

**QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ**

Căn cứ vào các điều 48, 217, 218, 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm;

Xét thấy:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 11 năm 2017, ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị N cho rằng vợ chồng ông, bà có phần đất thuộc thửa đất số 21, tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại ấp AT, xã TT, huyện G, tỉnh Bến Tre giáp với thửa đất số 26, tờ bản đồ số 24 do bà Phạm Thị C trực tiếp sử dụng. Bà Phạm Thị C đang sử dụng một phần đất của ông, bà nên ông, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện G giải quyết buộc bà Phạm Thị C có trách nhiệm trả lại cho ông, bà phần đất diện tích 39,13m² (chiều dài 55,90m, chiều ngang 0,7m) thuộc thửa đất số 21, tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại ấp AT, xã TT, huyện G, tỉnh Bến Tre do ông, bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đây là vụ án tranh chấp ai có quyền sử dụng đất, việc hòa giải cơ sở là thủ tục bắt buộc. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải ngày 10 tháng 02 năm 2017 và tại Phiếu chuyển số 106/PC-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân xã TT đều không thể hiện các thông tin về thửa đất có tranh chấp được tiến hành hòa giải giữa các bên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn Thành có yêu cầu thu thập quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đo đạc, định giá phần đất tranh chấp.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến đề ngày 22 tháng 11 năm 2018, Ông T và bà N trình bày vào ngày đo đạc, theo sự chỉ ranh của ông, bà thì ông, bà xác định phần đất của ông, bà đang tranh chấp giáp ranh với hai thửa đất của bà Phạm Thị C, không phải chỉ giáp một thửa như khi ông, bà làm đơn khởi kiện. Vì vậy, ông, bà đã có đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã TT tiến hành hòa giải lại đối với phần đất đang tranh chấp cho đầy đủ nội dung về diện tích, thửa đất, tờ bản đồ địa chính theo quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân xã TT đã nhận đơn của ông, bà nhưng chưa tiến hành hòa giải. Vì vậy, ông, bà xin rút đơn khởi kiện. Sau khi Ủy ban nhân dân xã TT hòa giải xong, nếu ông, bà không thỏa thuận được với bà Chưa thì ông, bà sẽ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T và bà N đã có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện nộp cho Tòa án vào ngày 22 tháng 11 tháng 2018.

Như vậy, vụ án thuộc trường hợp chưa có đủ điều kiện khởi kiện theo quy

định của pháp luật và người khởi kiện là ông Võ Văn T, bà Nguyễn Thị N rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, theo quy định tại các điểm c, g khoản 1 Điều 217, điểm b khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 22/2018/TLST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2018 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ Văn T, sinh năm: 1962.

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1964.

Cùng địa chỉ: Ấp AT, xã TT, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị C, sinh năm: 1944.

Địa chỉ: Ấp AT, xã TT, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Thị T, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Ấp AT, xã TT, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về chi phí tố tụng: Chi phí thu thập chứng cứ (quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đo đạc) là 410.000 đồng (Bốn trăm mười nghìn đồng) ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị N tự nguyên chịu và đã nộp đủ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Trả lại cho ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0015168 ngày 30 tháng 01 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

3. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Thu Trang